

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường mầm non 9

Mã ĐVQHNS: 1048792

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC
QUÝ I NĂM 2020

Nội dung	Mục lục NSNN			Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NS	Mã ngành KT	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	12	071			110.214.000	110.214.000	491.435.048	491.435.048	601.649.048
			6115				47.002.315	47.002.315	47.002.315
			6116				286.953.384	286.953.384	286.953.384
			6301				8.277.087	8.277.087	8.277.087
			6302				1.418.929	1.418.929	1.418.929
			6303				945.952	945.952	945.952
			6304				398.581	398.581	398.581
			6449				96.600.000	96.600.000	96.600.000
			6956				49.838.800	49.838.800	49.838.800
			6758		110.214.000	110.214.000	-	-	110.214.000
Kinh phí giao tự chủ, giao khoán	13	071					749.821.655	749.821.655	749.821.655
			6001				400.265.762	400.265.762	400.265.762
			6051				64.278.600	64.278.600	64.278.600
			6101				7.986.000	7.986.000	7.986.000
			6112				138.126.219	138.126.219	138.126.219
			6113				1.728.000	1.728.000	1.728.000
			6115				1.989.236	1.989.236	1.989.236
			6301				83.615.165	83.615.165	83.615.165
			6302				14.334.027	14.334.027	14.334.027
			6303				9.556.020	9.556.020	9.556.020
			6304				4.559.193	4.559.193	4.559.193
			6501				16.085.461	16.085.461	16.085.461
			6502				700.235	700.235	700.235
			6551				-	-	-
			6599				-	-	-

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NS	Mã ngành KT	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
			6601				797.737	797.737	797.737	797.737
			6704				3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
			6758				1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
			6912				1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
			6913				-	-	-	-
Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	14	071					162.821.947	162.821.947	162.821.947	162.821.947
			6001				92.623.482	92.623.482	92.623.482	92.623.482
			6101				1.848.000	1.848.000	1.848.000	1.848.000
			6112				31.961.960	31.961.960	31.961.960	31.961.960
			6113				60.000	60.000	60.000	60.000
			6115				11.336.888	11.336.888	11.336.888	11.336.888
			6301				18.661.305	18.661.305	18.661.305	18.661.305
			6302				3.199.081	3.199.081	3.199.081	3.199.081
			6303				2.132.721	2.132.721	2.132.721	2.132.721
			6304				998.510	998.510	998.510	998.510
CỘNG					110.214.000	110.214.000	1.404.078.650	1.404.078.650	1.514.292.650	1.514.292.650

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC

Ngày 1 tháng 4 năm 2020

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)



ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Lâm Thị Mộng Trinh



Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường mầm non 9

Mã ĐVQHNS: 1048792

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC
QUÝ I NĂM 2020

Mã nguồn NS	Mã ngành KT	Mã CT MT, DA	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán năm nay		DT được sử dụng trong năm	Dự toán đã sử dụng		Dự toán đã		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071		49.838.800	1.567.244.000	760.214.000	2.327.458.000	2.377.296.800	601.649.048	601.649.048				1.775.647.752
13	071		174.646.126	3.677.000.000		3.677.000.000	3.851.646.126	749.821.655	749.821.655				3.101.824.471
14	071		94.060.700	2.852.463.000		2.852.463.000	2.946.523.700	162.821.947	162.821.947				2.783.701.753
			318.545.626	8.096.707.000	760.214.000	8.856.921.000	9.175.466.626	1.514.292.650	1.514.292.650	-	-	-	7.661.173.976
Phần KBNN ghi:													

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC

Ngày 4. tháng 4 năm 2020

Kế toán

Kế toán trưởng



ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Hồng Tâm

Lâm Thị Mộng Trinh

